

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Vũ Trường	An	Nữ	25.12.2003	Nghệ An		
2	B00002	Nguyễn Thu	An	Nữ	02.11.2004	Thái Nguyên		
3	B00003	Nguyễn Thảo	An	Nữ	20.09.2004	Nam Định		
4	B00004	Cao Lan	Anh	Nữ	16.07.2000	Thanh Hóa		
5	B00005	Chu Ngọc	Anh	Nữ	28.10.2004	Hà Nội		
6	B00006	Lý Thảo	Anh	Nữ	25.11.2003	Lào Cai		
7	B00007	Nguyễn Đình	Anh	Nam	15.01.2003	Hà Tây		
8	B00008	Hoàng Đức	Anh	Nam	30.01.2003	Thanh Hóa		
9	B00009	Bùi Triệu	Anh	Nam	13.04.2004	Yên Bái		
10	B00010	Vũ Tuấn	Anh	Nam	15.01.2003	Nam Định		
11	B00011	Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	06.12.2003	Thái Bình		
12	B00012	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	14.05.2003	TP. HCM		
13	B00013	Bùi Ngọc	Anh	Nữ	19.10.2004	Hòa Bình		
14	B00014	Đinh Thị Vân	Anh	Nữ	29.10.2004	Hải Phòng		
15	B00015	Đặng Việt	Anh	Nam	17.05.2002	LB Nga		
16	B00016	Lê Quỳnh	Anh	Nữ	12.08.2004	Hà Nội		
17	B00017	Lê Ngọc	Anh	Nữ	03.02.2004	Vĩnh Phúc		
18	B00018	Vũ Lương	Anh	Nữ	14.04.2004	Hải Dương		
19	B00019	Đinh Thị Minh	Anh	Nữ	12.07.2004	Hải Dương		
20	B00020	Đặng Tuyết	Anh	Nữ	19.06.2003	Hà Nội		
21	B00021	Nguyễn Thị Hà	Anh	Nữ	07.03.2003	Vĩnh Phúc		
22	B00022	Trần Phương	Anh	Nữ	08.06.2004	Hà Nội		
23	B00023	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15.08.2004	Vĩnh Phúc		
24	B00024	Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	05.06.2004	Hà Tây		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00025	Lê Ngọc	Bảo	Nam	26.07.2004	Thanh Hóa		
2	B00026	Hoàng Ngọc	Bích	Nữ	02.02.2004	Hà Giang		
3	B00027	Lê Đức	Biểu	Nam	01.01.2004	Phú Thọ		
4	B00028	Vũ Thái	Bình	Nam	20.12.2004	Thái Bình		
5	B00029	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	29.10.2004	Nam Định		
6	B00030	Nguyễn Phú	Cường	Nam	13.04.2003	Hà Nội		
7	B00031	Tô Bảo	Châu	Nữ	30.11.2003	Thái Bình		
8	B00032	Lưu Phạm Thùy	Chi	Nữ	02.09.2004	Nam Định		
9	B00033	Phạm Khánh	Chi	Nữ	15.12.2003	Hải Phòng		
10	B00034	Nguyễn Thị Khánh	Chi	Nữ	11.09.2002	Hải Dương		
11	B00035	Đinh Thị Kim	Chung	Nữ	06.01.2004	Quảng Ninh		
12	B00036	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	22.11.2003	Nam Định		
13	B00037	Lương Thị	Dịu	Nữ	16.12.2004	Nghệ An		
14	B00038	Nguyễn Trọng Việt	Dũng	Nam	06.03.2004	Hà Nội		
15	B00039	Nguyễn Đào Quang	Duy	Nam	01.12.2003	Bình Dương		
16	B00040	Nguyễn Thúy	Dương	Nữ	03.12.2004	Thái Bình		
17	B00041	Lê Quang	Dương	Nam	28.08.2004	Hà Nội		
18	B00042	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	05.02.2003	Bắc Ninh		
19	B00043	Khuất Nguyên	Đại	Nam	12.08.1973	Hà Bắc		
20	B00044	Lê Hồng	Đăng	Nam	23.05.2000	Lào Cai		
21	B00045	Trương Hữu	Đăng	Nam	13.08.2004	Vĩnh Phúc		
22	B00046	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	24.06.2002	Phú Thọ		
23	B00047	Trần Minh	Đức	Nam	26.12.2003	Hà Nội		
24	B00048	Trần Thị Trà	Giang	Nữ	26.02.2002	Hà Tĩnh		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00049	Vũ Hương	Giang	Nữ	30.09.2004	Hưng Yên		
2	B00050	Vũ Thu	Giang	Nữ	27.09.2002	Hải Dương		
3	B00051	Lê Thị Hương	Giang	Nữ	10.10.2003	Hà Nội		
4	B00052	Trần Thị Hà	Giang	Nữ	18.08.2004	Thanh Hóa		
5	B00053	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	20.09.2004	Hưng Yên		
6	B00054	Nguyễn Thị Hoàng	Hà	Nữ	10.09.2003	Hòa Bình		
7	B00055	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	06.10.2003	Thanh Hóa		
8	B00056	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	25.08.2004	Nghệ An		
9	B00057	Lê Thị Minh	Hà	Nữ	24.12.2003	Hà Nội		
10	B00058	Nguyễn Thanh	Hà	Nữ	03.12.2004	Hà Nội		
11	B00059	Lương Thị Ngọc	Hà	Nữ	14.09.2003	Sơn La		
12	B00060	Nguyễn Trần Thu	Hà	Nữ	27.06.2003	Nam Định		
13	B00061	Nguyễn Pờ Hồng	Hà	Nữ	14.10.2004	Điện Biên		
14	B00062	Nguyễn Minh	Hải	Nam	10.11.2004	Hà Nội		
15	B00063	Nguyễn Thu	Hải	Nữ	05.03.2003	Hà Nội		
16	B00064	Trần Văn	Hạnh	Nam	24.07.2002	Hải Dương		
17	B00065	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10.07.1997	Hưng Yên		
18	B00066	Vi Thị Huyền	Hảo	Nữ	04.06.2004	Nghệ An		
19	B00067	Hoàng Thúy	Hăng	Nữ	08.08.1990	Hải Phòng		
20	B00068	Nguyễn Thị Thu	Hăng	Nữ	15.04.2000	Hà Nội		
21	B00069	Bùi Thị	Hiền	Nữ	15.06.2000	Thanh Hóa		
22	B00070	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	25.08.2004	Ninh Bình		
23	B00071	Lê Thị	Hiền	Nữ	10.08.2004	Thanh Hóa		
24	B00072	Đỗ Khánh	Hiền	Nữ	13.12.2004	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 24

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00073	Đào Hoàng	Hiệp	Nam	23.05.2004	Phú Thọ		
2	B00074	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	05.10.2003	Hà Nội		
3	B00075	Trương Quỳnh	Hoa	Nữ	16.01.2003	Hà Nội		
4	B00076	Kiều Thanh	Hoa	Nữ	29.08.2003	Vĩnh Phúc		
5	B00077	Phạm Thị	Hồng	Nữ	06.09.2001	Thanh Hóa		
6	B00078	Phạm Ánh	Hồng	Nữ	25.05.2005	Ninh Bình		
7	B00079	Phạm Thị Minh	Huế	Nữ	29.01.2004	Hưng Yên		
8	B00080	Lê Mạnh	Hùng	Nam	05.12.2003	Hà Tây		
9	B00081	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19.09.1987	Hà Nội		
10	B00082	Dương Thị	Huyền	Nữ	10.09.2004	Hà Tây		
11	B00083	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	01.06.2004	Hà Tây		
12	B00084	Trần Thị	Huyền	Nữ	03.06.2004	Nghệ An		
13	B00085	Trịnh Ngọc	Hưng	Nam	16.08.2003	Hà Nam		
14	B00086	Trần Thị Thu	Hưng	Nữ	13.10.2004	Thanh Hóa		
15	B00087	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	17.03.1994	Hải Dương		
16	B00088	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	02.04.2001	Phú Thọ		
17	B00089	Mâu Thị Thu	Hương	Nữ	09.11.2002	Hà Tây		
18	B00090	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	20.04.2004	Thanh Hóa		
19	B00091	Phạm Ngọc	Hương	Nữ	09.07.2004	TP. HCM		
20	B00092	Lưu Thị	Hường	Nữ	20.09.2004	Hà Tây		
21	B00093	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	08.12.2003	Hà Tây		
22	B00094	Vàng Đức	Kim	Nam	29.09.2002	Hà Giang		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00095	Nguyễn Hương	Lan	Nữ	10.12.2004	Nam Định		
2	B00096	Nông Thị Ngọc	Lan	Nữ	02.04.2004	Cao Bằng		
3	B00097	Võ Văn	Lập	Nam	11.04.2004	Nghệ An		
4	B00098	Phạm Thị	Liên	Nữ	20.01.2004	Gia Lai		
5	B00099	Nguyễn Trịnh Hương	Liên	Nữ	20.09.2002	Hung Yên		
6	B00100	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	18.10.2004	Hà Tĩnh		
7	B00101	Vũ Thị	Linh	Nữ	21.09.2003	Thanh Hóa		
8	B00102	Đinh Thị Phùng	Linh	Nữ	02.03.2004	Sơn La		
9	B00103	Đinh Thị Phương	Linh	Nữ	10.04.2003	Nam Định		
10	B00104	Phạm Thị Diệu	Linh	Nữ	16.01.2004	Nam Định		
11	B00105	Trần Thùy	Linh	Nữ	05.01.2004	Nam Định		
12	B00106	Nguyễn Thành	Luân	Nam	03.06.2001	Lào Cai		
13	B00107	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	13.12.2001	Nghệ An		
14	B00108	Thân Ngọc	Mai	Nữ	11.12.2003	Bắc Giang		
15	B00109	Dương Thị Quỳnh	Mai	Nữ	02.01.2005	Hà Tĩnh		
16	B00110	Hồng Ngọc	Minh	Nữ	15.10.2004	Hà Nội		
17	B00111	Đàm Quang	Minh	Nam	07.12.2003	Hà Nội		
18	B00112	Võ Lê	Na	Nữ	05.09.2003	Nghệ An		
19	B00113	Đặng Thị Lê	Na	Nữ	07.09.2003	Nghệ An		
20	B00114	Vũ Hoàng	Nam	Nam	01.10.2003	Hà Nội		
21	B00115	Phạm Hải	Nam	Nam	06.05.2002	Hà Nam		
22	B00116	Hoàng Hải	Nam	Nam	27.07.2004	Hải Phòng		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00117	Ngô Chí Phương	Nam	Nam	01.02.2003	Vũng Tàu		
2	B00118	Đặng Thị	Nga	Nữ	19.03.2004	Thái Bình		
3	B00119	Trương Thị	Nga	Nữ	01.08.2003	Hà Tây		
4	B00120	Đặng Quỳnh	Nga	Nữ	18.09.2004	Nghệ An		
5	B00121	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	Nữ	20.10.2004	Nghệ An		
6	B00122	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	Nữ	11.06.1998	Thái Nguyên		
7	B00123	Khuất Thị	Ngọc	Nữ	10.10.2004	Hà Nội		
8	B00124	Vũ Thị	Ngọc	Nữ	02.01.2004	Thanh Hóa		
9	B00125	Phạm Thị Hoài	Ngọc	Nữ	12.03.2004	Nam Định		
10	B00126	Trịnh Minh	Ngọc	Nữ	24.09.2003	Thái Bình		
11	B00127	Vũ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	29.08.2003	Hà Nội		
12	B00128	Tạ Thị Ánh	Ngọc	Nữ	03.09.2004	Vĩnh Phúc		
13	B00129	Trương Thị	Nguyệt	Nữ	08.04.2003	Nghệ An		
14	B00130	Lê Thị	Nhi	Nữ	27.07.2003	Thanh Hóa		
15	B00131	Phan Thị Bảo	Nhi	Nữ	08.11.2005	Hà Tĩnh		
16	B00132	Hoàng Lê Tuyết	Nhi	Nữ	02.04.2003	Hà Tĩnh		
17	B00133	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	28.10.2004	Bình Dương		
18	B00134	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	19.11.2003	Hà Nội		
19	B00135	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	14.11.2003	Ninh Bình		
20	B00136	Vũ Xuân	Phi	Nam	21.02.2001	Hải Dương		
21	B00137	Vũ Trường Ánh	Phương	Nữ	08.11.2004	Hải Dương		
22	B00138	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	02.04.2004	Phú Thọ		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00139	Phan Thị Hiền	Phương	Nữ	15.12.2003	Hà Tĩnh		
2	B00140	Vũ Thị Nam	Phương	Nữ	08.06.2003	Hòa Bình		
3	B00141	Đỗ Thị Kim	Phượng	Nữ	03.03.2004	Đồng Nai		
4	B00142	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	07.08.2004	Lạng Sơn		
5	B00143	Hoàng Hữu	Quyên	Nam	12.08.2001	Cao Bằng		
6	B00144	Hoàng Thị Phương	Quỳnh	Nữ	20.09.1993	Vĩnh Phúc		
7	B00145	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	28.07.2004	Hải Dương		
8	B00146	Cao Thị	Quỳnh	Nữ	02.01.2003	Thanh Hóa		
9	B00147	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	Nữ	06.09.2004	Ninh Bình		
10	B00148	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	15.02.1997	Vĩnh Phúc		
11	B00149	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Nữ	23.12.2004	Nghệ An		
12	B00150	Đình Trần	Tuyên	Nam	06.07.2004	Ninh Bình		
13	B00151	Vũ Phương	Thanh	Nữ	19.10.2001	Nam Định		
14	B00152	Lục Triệu	Thanh	Nam	04.01.2001	Cao Bằng		
15	B00153	Trần Việt	Thanh	Nam	08.11.2001	Vĩnh Phúc		
16	B00154	Phạm Thị Ngọc	Thành	Nữ	22.03.2002	Hà Tĩnh		
17	B00155	Hồ Phương	Thảo	Nữ	03.11.2000	Hà Nội		
18	B00156	Vũ Thị Thu	Thảo	Nữ	1.11.2004	Hải Dương		
19	B00157	Dương Thị	Thảo	Nữ	11.11.2004	Điện Biên		
20	B00158	Lê Ngọc	Thắng	Nam	25.07.2003	Hà Nội		
21	B00159	Giàng Thị	Thân	Nữ	20.02.2004	Điện Biên		
22	B00160	Lê Thị Khánh	Thị	Nữ	10.11.2004	Thanh Hóa		
23	B00161	Phạm Ngọc	Thiem	Nam	10.04.2002	Thái Nguyên		
24	B00162	Đặng Thị Hà	Thu	Nữ	16.01.2003	Thanh Hóa		
25	B00163	Đình Thị Thu	Thủy	Nữ	23.09.2002	Hà Tây		
26	B00182	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	06.09.1992	Vĩnh Phúc		
27	B00183	Phạm Thị Hồng	Ngát	Nữ	20.09.2004	Thái Bình		
28	B00184	Ngô Quỳnh	Nhi	Nữ	04.12.2003	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 28

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 8 (508 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 08/11/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00164	Lý Thu	Thủy	Nữ	14.10.2004	Bắc Kạn		
2	B00165	Hoàng Phương	Thúy	Nữ	11.05.1992	Quảng Ninh		
3	B00166	Phạm Hoàng Anh	Thư	Nữ	12.09.2004	Hải Phòng		
4	B00167	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	27.11.2001	Hải Phòng		
5	B00168	Bùi Thu	Trang	Nữ	03.01.1996	Hà Nội		
6	B00169	Phạm Thu	Trang	Nữ	18.02.1992	Hải Phòng		
7	B00170	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	17.10.2004	Nghệ An		
8	B00171	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	03.11.2003	Hà Tĩnh		
9	B00172	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	18.10.2004	Bắc Ninh		
10	B00173	Hoàng Huyền	Trang	Nữ	28.05.2003	Hà Nội		
11	B00174	Chu Văn	Trúc	Nam	25.02.2003	Hà Nội		
12	B00175	Nguyễn Minh	Trung	Nam	10.12.1990	Hà Nội		
13	B00176	Vũ Thế	Vinh	Nam	11.02.2002	Hải Phòng		
14	B00177	Ngô Thị Hà	Vy	Nữ	29.09.2004	Thái Nguyên		
15	B00178	Trần Thị	Xuân	Nữ	16.05.2004	Nghệ An		
16	B00179	Nguyễn Hải	Yên	Nữ	10.08.1996	Hà Nội		
17	B00180	Nguyễn Thị Hải	Yên	Nữ	10.01.2004	Bắc Giang		
18	B00181	Phạm Thị Hải	Yên	Nữ	05.10.1987	Hòa Bình		
19	B00185	Đỗ Thúy	Phương	Nữ	25.04.1980	Hà Nội		
20	B00186	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	06.09.2003	Thanh Hóa		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)